



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

Cơ bản

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

hy

jy

ek

ons

dit

sy

wat

hulle

julle

hoekom

waar

wie

wanneer

watter

hoe

regtig

as

dan

nie

omdat

maar

này

đó
vật

tất cả

hoặc

và

đây

đó
địa điểm

trái

phải

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

almal

daardie

hierdie

hier

en

of

regs

links

daar

voormiddag
voormiddae

middag
middae

nou

aand
aande

oggend
oggende

nag
nagte

uur
ure

middernag
middernagte

middag
middae

dag
dae

sekonde
sekondes

minuut
minute

tuần

tháng

năm

hôm qua

hôm nay

ngày mai

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

jaar
jare

maand
maande

week
weke

môre

vandag

gister

Woensdag
Woensdae

Dinsdag
Dinsdae

Maandag
Maandae

Saterdag
Saterdag

Vrydag
Vrydae

Donderdag
Donderdae

man
mans

vrou
vrouens

Sondag
Sondae

vriendin
vriendinne

kêrel
kêrels

liefde
liefdes

seks
seks

soen
soene

vriend
vriende

trẻ em

con gái
đại cương

con trai
đại cương

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

chồng

vợ

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

seuntjie
seuntjies

meisie
meisies

kind
kinders

moeder
moeders

pa
pa's

ma
ma's

seun
seuns

ouers
ouers

vader
vaders

kleinboet
kleinboete

kleinsus
kleinsusse

dogter
dogters

eggenoot
eggenote

ouboet
ouboete

ousus
oususse

altyd

elke

eggenote
eggenotes

reeds

weer

eintlik

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

không có

rất

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

mọi người

cùng nhau

khác

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

meer

meeste

minder

buite

baie

geen

naby

ver

binne

langsaan

bo

onder

almal

agter

voor

lente
lentes

ander

saam

winter
winters

herfs
herfste

somer
somers

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

bắc

đông

nam

tây

thường xuyên

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

Maart
Maartemaande

Februarie
Februariemaande

Januarie
Januariemaande

Junie
Juniemaande

Mei
Meimaande

April
Aprilmaande

September
Septembermaande

Augustus
Augustusmaande

Julie
Juliemaande

Desember
Desembermaande

November
Novembermaande

Oktober
Oktobermaande

suid

oos

noord

onmiddellik

dikwels

wes

alhoewel

skielik

Số

0	1	2
3	4	5
6	7	8
9	10	11
12	13	14
15	16	17
18	19	20

twee

een

nul

vyf

vier

drie

agt

sewe

ses

elf

tien

nege

veertien

dertien

twaalf

sewentien

sestien

vyftien

twintig

negentien

agtien

21

22

26

30

31

33

37

40

41

44

48

50

51

55

59

60

61

62

66

70

71

ses en twintig

twee en twintig

een en twintig

drie en dertig

een en dertig

dertig

een en veertig

veertig

sewe en dertig

vyftig

agt en veertig

vier en veertig

nege en vyftig

vyf en vyftig

een en vyftig

twee en sestig

een en sestig

sestig

een en sewentig

sewentig

ses en sestig

73

77

80

81

84

88

90

91

95

99

100

101

105

110

151

200

202

206

220

262

300

tagtig

sewe en sewentig

drie en sewentig

agt en tagtig

vier en tagtig

een en tagtig

vyf en negentig

een en negentig

negentig

honderd en een

honderd

nege en negentig

honderd een en vyftig

honderd en tien

honderd en vyf

tweehonderd en ses

tweehonderd en twee

tweehonderd

driehonderd

tweehonderd twee en sestig

tweehonderd en twintig

303

307

330

373

400

404

408

440

484

500

505

509

550

595

600

601

606

616

660

700

702

driehonderd en dertig

driehonderd en sewe

driehonderd en drie

vierhonderd en vier

vierhonderd

driehonderd drie en sewentig

vierhonderd vier en tagtig

vierhonderd en veertig

vierhonderd en agt

vyfhonderd en nege

vyfhonderd en vyf

vyfhonderd

seshonderd

vyfhonderd vyf en negentig

vyfhonderd en vyftig

seshonderd en sestien

seshonderd en ses

seshonderd en een

sewehonderd en twee

sewehonderd

seshonderd en sestig

707

727

770

800

803

808

838

880

900

904

909

949

990

1000

1001

1012

1234

2000

2002

2023

2345

sewehonderd en sewentig	sewehonderd sewe en twintig	sewehonderd en sewe
agthonderd en agt	agthonderd en drie	agthonderd
negehonderd	agthonderd en tagtig	agthonderd agt en dertig
negehonderd nege en veertig	negehonderd en nege	negehonderd en vier
duisend en een	eenduisend	negehonderd en negentig
tweeëduisend	eenduisend tweehonderd vier en dertig	duisend en twaalf
tweeëduisend driehonderd vyf en veertig	tweeëduisend drie en twintig	tweeëduisend en twee

3000

3003

4000

4045

5000

5678

6000

7000

7890

8000

8901

9000

9090

10.000

10.001

20.020

30.300

44.000

100.000

500.000

1.000.000

vierduisend

drieduisend en drie

drieduisend

vyfduisend seshonderd agt
en sewentig

vyfduisend

vierduisend vyf en veertig

seweduisend agthonderd en
negentig

seweduisend

sesduisend

negeduisend

agtduisend negehonderd en
een

agtduisend

tienduisend en een

tienduisend

negeduisend en negentig

vier en veertig duisend

dertigduisend driehonderd

twintigduisend en twintig

een miljoen

vyfhonderdduisend

honderdduisend

6.000.000

10.000.000

70.000.000

100.000.000

800.000.000

1.000.000.000

9.000.000.000

10.000.000.000

20.000.000.000

100.000.000.000

300.000.000.000

1.000.000.000.000

sewentig miljoen

tien miljoen

ses miljoen

een miljard

agt honderd miljoen

honderd miljoen

twintig miljard

tien miljard

nege miljard

een biljoen

driehonderd miljard

honderd miljard

Động từ

biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

yêu

gọi

chờ đợi

đứng

ngồi

đóng

mở
cửa

thua

thắng

kom

komende, gekom

dink

denkende, gedink

weet

wetende, geweet

vind

vindende, gevind

neem

nemende, geneem

sit

sittende, gesit

praat

pratende, gepraat

werk

werkende, gewerk

luister

luisterende, geluister

help

helpende, gehelp

van te hou

houende van, gehou van

gee

gewende, gegee

wag

waggende, gewag

bel

belende, gebel

liefhê

liefhebbende, liefgehad

toemaak

toemakende, toegemaak

sit

sittende, gesit

staan

staande, gestaan

wen

wennende, gewen

verloor

verlorende, verloor

oopmaak

oopmakende, oopgemaak

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

kéo

đẩy

ấn

aanskakel
aanskakelende, aangeskakel

leef
lewende, geleef

sterf
sterwende, gesterf

beseer
beserende, beseer

dood te maak
doodmakende, dood gemaak

afskakel
afskakelende, afgeskakel

drink
drinkende, gedrink

kyk
kykende, gekyk

voel
voelende, gevoel

ontmoet
ontmoetende, ontmoet

loop
lopende, geloop

eet
etende, geëet

volg
volgende, gevolg

soen
soenende, gesoen

n weddenskap aangaan
weddende, gewed

vra
vraende, gevra

antwoord
antwoorde, geantwoord

trou
trouende, getrou

druk
drukkende, gedruk

stoot
stotende, gestoot

trek
trekkende, getrek

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

thưởng thức

dọn dẹp

bắn

veg
vegtende, geveg

vang
vangende, gevang

slaan
slanende, geslaan

lees
lesende, gelees

hardloop
hardlopende, gehardloop

gooi
gooiende, gegooi

tel
tellende, getel

herstel
herstellende, geherstel

skryf
skrywende, geskryf

koop
kopende, gekoop

verkoop
verkopende, verkoop

sny
snyende, gesny

droom
dromende, gedroom

studeer
studerende, gestudeer

betaal
betalende, betaal

vier
vierende, gevier

speel
spelende, gespeel

slaap
slapende, geslaap

skiet
skietende, geskiet

skoonmaak
skoonmakende, skoongemaak

geniet
genietende, geniet

bảo vệ

tấn công

trộm

đốt

cứu

bay

khắc nhớ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủi

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

chia sẻ

cho ăn

trốn

steel

stelende, gesteel

aan te val

aanvallende, aangeval

verdedig

verdedigende, geverdedig

vlieg

vlieënde, gevlieg

red

reddende, gered

brand

brandende, gebrand

byt

bytende, gebyt

skop

skoppende, geskop

spoeg

spoegende, gespoeg

huil

huilende, gehuil

ruik

ruikende, geruik

asemhaling

asemhalende, asemgehaal

lag

laggende, gelag

glimlag

glimlaggende, geglimlag

sing

singende, gesing

stry

stryende, gestry

krimp

krimpende, gekrimp

groei

groeierende, gegroei

weg te steek

wegstekende, weggesteek

voed

voedende, gevoed

deel

delende, gedeel

cảnh báo

bơi

nhảy

nâng

đào

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

nôn

la hét

trích dẫn

in

tính toán

kiếm tiền

spring
springende, gespring

swem
swemmende, geswem

waarsku
waarskuwende, gewaarsku

aflewer
aflewerende, afgelewer

grawe
grawende, gegrawe

lig
ligtende, gelig

reis
reisende, gereis

oefen
oefenende, geoefen

soek
soekende, gesoek

sluit
sluitende, gesluit

oopmaak
oopenmakende, oopengemaak

verf
verwende, geverf

gaarmaak
gaarmakende, gaargemaak

bid
biddende, gebid

was
wassende, gewas

aanhaal
aanhalende, aangehaal

skree
skreeuende, geskree

braak
brakende, gebraak

verdien
verdienende, verdien

bereken
berekende, bereken

druk
drukkende, gedruk

Tính từ

mới

cũ

ít

nhiều

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

lớn
to

xinh đẹp

trẻ

già

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

min

oud
ouer, oudste

nuut
nuwer, nuutste

korrek
korrekter, korrekste

verkeerd
verkeerder, verkeerdste

baie

gelukkig
gelukkiger, gelukkigste

goed
beter, beste

sleg
slegter, slegste

klein
kleiner, kleinste

lank
langer, langste

kort
korter, kortste

jonk
jonger, jongste

pragtig
pragtiger, pragtigste

groot
groter, grootste

swart
swarter, swartste

wit
witter, witste

oud
ouer, oudste

groen
groener, groenste

blou
blouer, blouste

rooi
rooier, rooiste

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

dễ

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

vinnig
vinniger, vinnigste

stadig
stadiger, stadigste

geel
geler, geelste

regverdig
regverdiger, regverdigste

onregverdig
onregverdiger, onregverdigste

snaaks
snaakser, snaakste

ryk
ryker, rykste

maklik
makliker, maklikste

moeilik
moeiliker, moeilikste

swak
swakker, swakste

sterk
sterker, sterkste

arm
armer, armste

trots
trotser, trotste

moeg
moër, moegste

veilig
veiliger, veiligste

gesond
gesonder, gesondste

siek
sieker, siekste

versadig
versadiger, versadigste

hoog
hoër, hoogste

laag
laer, laagste

kwaad
kwater, kwaadste

ngọt

chua

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

lo lắng

ngạc nhiên

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

màu cam

màu xám

màu nâu

màu hồng

sag
sagter, sagste

suur
suurder, suurste

soet
soeter, soetste

onnosel
onnoseler, onnoselste

oulik
ouliker, oulikste

hard
harder, hardste

lank
langer, langste

besig
besiger, besigste

gek
gekker, gekste

verras
meer verras, meeste verras

bekommerd
bekommerder, bekommerdste

kort
korter, kortste

slim
slimmer, slimste

boos
boser, booste

goed gedra
beter gedra, beste gedra

oranje
oranjier, oranjeste

warm
warmer, warmste

koud
kouer, koudste

pienk
pienker, pienkste

bruin
bruiner, bruinste

grys
gryser, grysste

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

đốc

bằng phẳng

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

quyến rũ

lig
ligter, ligste

swaar
swaarder, swaarste

vervelig
verveliger, verveligste

dors
dorser, dorste

honger
hongerder, hongerste

eensaam
eensamer, eensaamste

plat
platter, platste

steil
steiler, steilste

hartseer
hartseerder, hartseerste

diep
dieper, diepste

breed
breër, breedste

nou
nouer, nouste

vuil
vuiler, vuilste

groot
groter, grootste

vlak
vlakker, vlakste

leeg
leër, leegste

vol
voller, volste

skoon
skoner, skoonste

sexy
sexier, sexyste

goedkoop
goedkoper, goedkoopste

duur
duurder, duurste

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

ướt

khô

ồn ào

yên tĩnh

nắng

nhiều mưa

sương mù
tính từ

nhiều mây

vrygewig
vrygewiger, vrygewigste

dapper
dapperder, dapperste

lui
luier, luiste

hard
harder, hardste

droog
droër, droogste

nat
natter, natste

reënerig
reëneriger, reënerigste

sonnig
sonniger, sonnigste

stil
stiller, stilste

bewolk
meer bewolk, mees bewolk

mistig
mistiger, mistigste

Thể thao

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

chạy marathon

ba môn phối hợp

bóng bàn

cử tạ

quyền anh

cầu lông

trượt băng nghệ thuật

trượt ván tuyết

trượt tuyết

trượt tuyết băng đồng

khúc côn cầu trên băng

hardloop

tennis

gimnastiek

sokker

gholf

fietsry

onderwaterduik

swem

basketbal

driekamp

maraton

stap

boks

gewigoptel

tafeltennis

sneuplankry

figuurskaats

pluimbal

yshokkie

langlauf

ski

bóng chuyền

bóng ném

bóng chuyền bãi biển

bóng rugby

bóng gậy

bóng chày

bóng bầu dục Mỹ

bóng nước

nhảy cầu

lướt sóng

đua thuyền buồm

chèo thuyền

yoga

khiêu vũ

nhảy dù

cờ vua

đánh bài poker

bowling

múa ba lê

strandvlugbal

handbal

vlugbal

bofbal

krieket

rugby

sierduik

waterpolo

Amerikaanse voetbal

roei

seilvaart

branderplankry

valskermspring

dans

joga

bowling

poker

skaak

ballet

Động vật

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

con rắn

con hổ

con chuột

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

perd
perde

koei
koeie

vark
varke

aap
ape

skaap
skape

hond
honde

hoender
hoenders

beer
bere

kat
katte

by
bye

skoenlapper
skoendlappers

eend
eende

slang
slange

spinnepkop
spinnepkoppe

vis
visse

haas
hase

muis
muise

tier
tiere

olifant
olifante

donkie
donkies

leeu
leeus

con chim bồ câu

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

con gấu trúc

con gấu Bắc cực

con chó sói

con gấu túi

con chuột túi

con hươu cao cổ

con cáo

con hà mã

con dơi

con quạ

con thiên nga

muskiet
muskiete

gogga
goggas

duif
duiwe

walvis
walvisse

mier
miere

vlieg
vlieë

slak
slakke

dolfyn
dolfyne

haai
haaie

ysbeer
ysbere

panda
pandas

padda
paddas

kangaroo
kangaroos

koala
koalas

wolf
wolwe

seekoei
seekoeie

jakkals
jakkalse

kameelperd
kameelperde

swaan
swane

raaf
rawe

vlermuis
vlermuise

con chim hải âu

con cú

con chim cánh cụt

con vẹt

con sâu bướm

con chuồn chuồn

con mực ống

con bạch tuộc

con cá ngựa

con hải cẩu

con sứa

con cua

con khủng long

con rùa cạn

con cá sấu

pikkewyn
pikkewyne

uil
uile

seemeeu
seemeeus

naaldekoker
naaldekokers

ruspe
ruspes

papegaai
papegaie

seeperd
seeperde

seekat
seekatte

pylinkvis
pylinkvisse

krap
krappe

jellievis
jellievisse

rob
robbe

krokodil
krokodille

skilpad
skilpaaie

dinosourus
dinosourusse

Quốc gia

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

Châu Phi

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Amerika

Asië

Europa

Spanje

Verenigde Koninkryk

Afrika

Frankryk

Italië

Switserland

Singapoer

Thailand

Duitsland

Israel

Japan

Rusland

Verenigde State van Amerika

Sjina

Indië

Chili

Kanada

Mexiko

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

Suid-Afrika

Argentinië

Brasilië

Libië

Marokko

Nigerië

Egipte

Algerië

Kenia

Australië

Nieu-Seeland

Cơ thể

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

cổ

mông

vai

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

hare
hare

neus
neuse

kop
koppe

oog
oë

oor
ore

mond
monde

hart
harte

voet
voete

hand
hande

boud
boude

nek
nekke

brein
breins

been
bene

knie
knieë

skouer
skouers

boesem
boesems

buik
buike

arm
arms

tong
tonge

tand
tande

rug
rûe

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

trán

cằm

má
cơ thể

râu

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

móng tay

gót chân

xương sống

toon
tone

vinger
vingers

lip
lippe

lewer
lewers

long
longe

maag
mae

derm
derms

nier
niere

senuwee
senuwees

wang
wange

ken
kenne

voorkop
voorkoppe

pinkie
pinkies

duim
duime

baard
baarde

wysvinger
wysvingers

middelvinger
middelvingers

ringvinger
ringvingers

ruggraat
ruggrate

hakskeen
hakskene

vingernael
vingernaels

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàng quang

tĩnh mạch

động mạch

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

geraamte
geraamtes

been
bene

spier
spiere

blaas
blase

werwel
werwels

rib
ribbes

vagina
vagas

slagaar
slagare

aar
are

testikel
testikels

penis
penisse

sperm
sperms

Ngôi nhà

cửa

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

thùng rác

tô

bàn
văn phòng

badkamer
badkamers

kombuis
kombuise

deur
deure

tuin
tuine

slaapkamer
slaapkamers

sitkamer
sitkamers

kelder
kelders

muur
mure

motorhuis
motorhuise

dak
dakke

trappe
trappe

toilet
toilette

koppie
koppies

mes
messe

venster
vensters

koppie
koppies

bord
borde

glas
glase

lessenaar
lessenare

bak
bakke

vullisblik
vullisblikke

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hàng xóm

thang máy

ban công

gác xép

ống khói

muỗng gỗ

đũa

bộ dao nĩa

muỗng

nĩa

cái vá

nồi

chảo

stort
storte

spieël
spieëls

bed
beddens

horlosie
horlosies

prent
prente

bank
banke

buurman
buurmanne

stoel
stoele

tafel
tafels

solder
solders

balkon
balkonne

hysbak
hysbakke

eetstokkie
eetstokkies

houtlepel
houtlepels

skoorsteen
skoorstene

vurk
vurke

lepel
lepels

eetgerei
eetgereie

pan
panne

pot
potte

skeplepel
skelepels

bóng đèn

giá sách

rèm

nệm

gối

chăn

kệ

ngăn kéo

tủ quần áo

xô

chổi

cái cân

giỏ đựng đồ giặt

bồn tắm

khăn tắm
to lớn

xà phòng

giấy vệ sinh

khăn tắm
nhỏ bé

bồn rửa mặt

cái thang

hộp thư

gordyn
gordyne

boekrak
boekrakke

gloeilamp
gloeilampe

kombers
komberse

kussing
kussings

matras
matrasse

klerekas
klerekaste

laai
laaie

rak
rakke

skaal
skale

besem
besems

emmer
emmers

badhanddoek
badhanddoeke

bad
baddens

wasgoed mandjie
wasgoed mandjies

handdoek
handdoeke

toilet papier
toiletpapiere

seep
sepe

posbus
posbusse

leer
lere

wasbak
wasbakke

hàng rào



heining
heinings

Thức ăn

trứng

phô mai

sữa

cá

thịt

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

nước

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

melk
melke

kaas
kase

eier
eiers

been
bene

vleis
vleise

vis
visse

suiker
suikers

brood
brode

olie
olies

koek
koeke

lekkergoed
lekkergoede

sjokolade
sjokolades

tee
teë

koffie
koffies

water
waters

slaai
slaaie

wyn
wyne

bier
biere

ontbyt
ontbyte

nagereg
nageregte

sop
soppe

bữa trưa

bữa tối

pizza

kem

bơ

sữa chua

cá ngừ

cá hồi

giăm bông

thịt ba rọi

xúc xích

thịt gà tây

thịt gà

thịt bò

thịt heo

thịt cừu

bí ngô

nấm

nấm cục

tỏi

tỏi tây

pizza
pizzas

aandete
aandetes

middagete
middagetes

jogurt
jogurts

botter
botters

roomys
roomyse

ham
hamme

salm
salms

tuna
tunas

kalkoenvleis
kalkoenvleise

wors
worse

spek
spekke

varkvleis
varkvleise

beesvleis
beesvleise

hoendervleis
hoendervleise

sampioen
sampioene

pampoens
pampoene

lamsvleis
lamsvleise

prei
prei

knoffel
knoffels

truffel
truffels

gừng

cà tím

khoai lang

cà rốt

dưa chuột

ớt

ớt chuông

củ hành

khoai tây

bông cải trắng

bắp cải

bông cải xanh

xà lách

rau chân vịt

tre

ngô

cần tây

đậu Hà Lan

hạt đậu

quả lê

quả táo

soetpatat
soetpatats

eiervrug
eiervrugte

gemmer
gemmers

brandrissie
brandrissies

komkommer
komkommers

wortel
wortels

aartappel
aartappels

ui
uie

soetrissie
soetrissies

broccoli
broccoli's

kool
kole

blomkool
blomkole

bamboes
bamboes

spinasië
spinasies

blaarslaai
blaarslaaie

ertjie
ertjies

seldery
selderies

mielies
mielies

appel
appels

peer
pere

boontjie
boontjies

quả ô liu

quả sung

quả chà là

quả dừa

quả hạnh nhân

hạt phỉ

đậu phộng

quả chuối

quả xoài

quả kiwi

quả bơ

quả dưa

dưa hấu

quả nho

dưa gang

quả mâm xôi

quả việt quất

quả dâu tây

quả anh đào

quả mận

quả mơ

dadel
dadels

vy
vye

olyf
olywe

haselneut
haselneute

amandel
amandels

klapper
klappers

mango
mangos

piesang
piesangs

grondboontjie
grondboontjies

pynappel
pynappels

avokado
avokado's

kiwi
kiwis

spanspek
spanspekke

druiwekorrel
druiwekorrels

waatlemoen
waatlemoene

aarbei
aarbeie

bloubessie
bloubessies

framboos
frambose

appelkoos
appelkose

pruim
pruime

kersie
kersies

quả đào

quả chanh

quả bưởi

quả cam

cà chua

bạc hà

sả

quế

vani

muối

tiêu

cà ri

thuốc lá
thực vật

đậu hũ

giấm

mì sợi

sữa đậu nành

bột mì

gạo

yến mạch

lúa mì

pomelo
pomelo's

suurlemoen
suurlemoene

perske
perskes

kruisement
kruisemente

tamatie
tamaties

lemoen
lemoene

vanielje
vanieljes

kaneel
kanele

sitroengras
sitroengrassie

kerrie
kerries

peper
pepers

sout
soute

asyn
asynse

tofu
tofus

tabak
tabakke

meel
mele

sojamelk
sojamelke

noedel
noedels

koring
koring

hawer
hawers

rys
ryse

đậu nành

hạt

mật ong

mứt

kẹo cao su

bánh kẹp

bánh quy

bánh pudding

bánh muffin

bánh rán vòng

nước tăng lực

nước cam

nước táo

sữa lắc

coca cola

sô cô la nóng

rượu cocktail

rượu rum

rượu whisky

rượu vodka

thực đơn

heuning
heunings

neut
neute

soja
sojas

pannekoek
pannekoeke

kougom
kougomme

konfyt
konfyte

muffin
muffins

nagereg
nageregte

koekie
koekies

lemoensap
lemoensappe

energie drankie
energie drankies

doughnut
doughnuts

coke
cokes

melkskommel
melkskommels

appelsap
appelsappe

rum
rum

skemerkelkie
skemerkelkies

warmsjokolade
warmsjokolades

spyskaart
spyskaarte

vodka
vodkas

whisky
whiskies

hải sản

mì Ý

sushi

bắp rang bơ

khoai tây lát mỏng

cánh gà

khoai tây chiên

mù tạt

sốt mayonnaise

nước sốt cà chua

bánh mì kẹp

bánh mì kẹp xúc xích

bánh burger

soesji
soesji's

spaghetti
spaghettis

seekos
seekosse

hoendervlerkies
hoendervlerkies

skyfies
skyfies

springmielies
springmielies

mayonnaise
mayonnaise

mosterd
mosterds

slaptjips
slaptjips

worsbroodjie
worsbroodjies

toebroodjie
toebroodjies

tamatiesous
tamatiesouse

burger
burgers

Trường học

sách

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

cây bút

bút chì

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

ngiên cứu

bằng cấp

sân thể thao

từ điển

học kì

sổ tay

hình học

huiswerk
huiswerke

biblioteek
biblioteke

boek
boeke

wetenskap
wetenskappe

les
lesse

eksamen
eksamens

pen
penne

kuns
kunste

geskiedenis
geskiedenisse

tweede
tweedese

eerste
eerstes

potlood
potlode

navorsing
navorsings

vierde
vierdes

derde
derdes

woordeboek
woordeboeke

sportgrond
sportgronde

graad
grade

meetkunde
meetkunde

notaboek
notaboeke

skoolkwartaal
skoolkwartale

chính trị học

triết học

kinh tế học

giáo dục thể chất

sinh học

toán học

địa lý

văn học

hóa học

vật lý

cải thước

cục tẩy

cái kéo

băng dính

keo dán

bút bi

kẹp giấy

3%

100%

0%

mét khối

ekonomie
ekonomies

filosofie
filosofies

politiek
politiek

wiskunde
wiskunde

biologie
biologie

liggaamsopvoeding
liggaamsopvoeding

chemie
chemie

letterkunde
letterkunde

aardrykskunde
aardrykskunde

uitveër
uitveërs

liniaal
liniale

fisika
fisika

gom
gomme

kleefband
kleefbande

skêr
skêre

drie persent

skuifspeld
skuifspelde

balpuntpen
balpuntpenne

kubieke meter
kubieke meters

nul persent

een honderd persent

mét vuông

dặm

mét

mi-li-mét

xen-ti-mét

đề-xi-mét

phép cộng

phép trừ

phép nhân

phép chia

diện tích

thể tích

hình chữ nhật

hình vuông

tam giác

hình tròn

lít

mililít

tấn

kilôgam

gram

meter
meters

myl
myle

vierkante meter
vierkante meters

desimeter
desimeters

sentimeter
sentimeters

millimeter
millimeters

vermenigvuldiging
vermenigvuldigings

aftrekking
aftrekkings

toevoeging
toevoegings

volume
volumes

area
areas

verdeling
verdelings

driehoek
driehoeke

vierkant
vierkante

reghoek
reghoeke

milliliter
milliliters

liter
liters

sirkel
sirkels

gram
gramme

kilogram
kilogramme

ton
tonne

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

phòng thí nghiệm

bài giảng

tregter
tregters

mikroskoop
mikroskope

magneet
magnete

lesing
lesings

laboratorium
laboratoriums

Thiên nhiên

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

đại dương

biển

băng

tuyết

diamant
diamante

vuur
vure

as
asse

ster
sterre

son
sonne

maan
mane

meer
mere

kus
kuste

planeet
planete

heuvel
heuwels

woestyn
woestyne

woud
woude

vallei
valleie

rivier
riviere

rots
rotse

oseaan
oseane

eiland
eilande

berg
berge

sneeu
sneeu

ys
ys

see
seë

bão táp

mưa

gió

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

kim loại

đất

dung nham

than

cát

đất sét

tên lửa

vệ tinh

thiên hà

tiểu hành tinh

lục địa

đường Xích đạo

Nam cực

Bắc cực

wind
winde

reën
reëns

storm
storms

roos
rose

gras
grasse

boom
bome

grond
gronde

metaal
metale

blom
blomme

sand
sande

steenkool
steenkole

lawa
lawas

satelliet
satelliete

vuurpyl
vuurpyle

klei
kleie

vasteland
vastelande

asteroïde
asteroïdes

sterrestelsel
sterrestelsels

Noordpool
Noordpole

Suidpool
Suidpole

ewenaar
ewenaar

sưởi

rừng nhiệt đới

hang

thác nước

bờ biển
con sông

sông băng

động đất

miệng núi lửa

núi lửa

khí quyển

lũ lụt

sương mù
danh từ

cầu vồng

tiếng sấm

tia chớp

cơn dông

nhiệt độ

bão nhiệt đới

bão

mây

cành cây

grot
grotte

reënwood
reënwoude

stroom
strome

gletser
gletsers

strand
strande

waterval
watervalle

vulkaan
vulkane

krater
kraters

aardbewing
aardbewings

mis
mis

vloed
vloede

atmosfeer
atmosfere

weerlig
weerligte

donderweer
donderwere

reënboog
reënboë

tifoon
tifone

temperatuur
temperature

donderstorm
donderstorms

tak
takke

wolk
wolke

orkaan
orkane

lá cây

rễ cây

thân cây

hạt giống

nhựa

cacbon đioxit

nguyên tử

sắt

ôxy

vàng

bạc

stam
stamme

wortel
wortels

blaar
blare

koolstofdiksied
koolstofdiksiede

plastiek
plastieke

saad
sade

suurstof
suurstof

yster
yster

atoom
atome

silwer
silwer

goud
goud

Giao thông

xe hơi

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

ắc quy

động cơ
xe hơi

túi khí

vô-lăng

dây an toàn

lốp xe

cốp sau

trein
treine

bus
busse

voertuig
voertuie

vliegtuig
vliegtuie

busstop
busstoppe

spoorwegstasie
spoorwegstasies

fiets
fietse

vragmotor
vragmotors

skip
skepe

verkeerslig
verkeersligte

taxi
taxi's

motorfiets
motorfietse

battery
batterye

pad
paaie

parkeerterrein
parkeerterreine

stuurwiel
stuurwiele

lugsak
lugsakke

motor
motors

kattebak
kattebakke

band
bande

veiligheidsgordel
veiligheidsgordels

máy bán vé

phòng bán vé

tàu điện ngầm

tàu cao tốc

đầu máy

xe điện

xe buýt trường học

xe buýt nhỏ

sân bay

hãng hàng không

máy bay trực thăng

hạng nhất

hạng phổ thông

hạng thương gia

áo phao

công ten nơ

tàu ngầm

tàu du lịch

tàu chở hàng

du thuyền

phà

metro
metro's

kaartjieskantoor
kaartjieskantore

kaartjie-outomaat
kaartjie-automate

trem
trens

lokomotief
lokomotiewe

sneltrein
sneltreine

lughawe
lughawens

minibus
minibusse

skoolbus
skoolbusse

eerste klas
eerste klasse

helikopter
helikopters

lugredery
lugrederye

reddingsbaadjie
reddingsbaadjies

besigheidsklas
besigheidsklasse

ekonomiese klas
ekonomiese klasse

passasierskip
passasierskepe

duikboot
duikbote

houer
houers

veerboot
veerbote

seiljag
seiljagte

houerskip
houerskepe

hải cảng

xuồng cứu sinh

ra đa

đèn đường

vĩa hè

trạm xăng

công trường

vạch qua đường

tắc đường

đường cao tốc

xe tăng

máy xúc

máy kéo

rơ-moóc

xe tay ga

xe cáp treo

radar
radars

reddingsboot
reddingsbote

hawe
hawens

vulstasie
vulstasies

sypaadjie
sypaadjies

straatlig
straatligte

verkeersknoop
verkeersknope

voetgangersoorgang
voetgangersoorgange

bouterrein
bouterreine

graafmasjien
graafmasjiene

tenk
tenks

snelweg
snelweê

bromponie
bromponies

sleepwa
sleepwaens

trekker
trekkers

kabelkar
kabelkarre

Thành phố

bệnh viện

trường học

nhà ở

hóa đơn

chợ

siêu thị

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

huis
huise

skool
skole

hospitaal
hospitale

supermark
supermarkte

mark
markte

rekening
rekeninge

plaas
plase

universiteit
universiteite

woonstel
woonstelle

kroeg
kroeë

restaurant
restaurante

kerk
kerke

toilet
toilette

park
parke

gimnasium
gimnasiums

polisie
polisie

ambulans
ambulanse

kaart
kaarte

voorstad
voorstede

land
lande

brandbestryders
brandbestryders

ngôi làng

bảo hành

trung tâm mua sắm

tiệm thuốc

tòa nhà chọc trời

lâu đài

đại sứ quán

giáo đường Do Thái

ngôi đền

nhà máy

nhà thờ Hồi giáo

tòa thị chính

bưu điện

đài phun nước

câu lạc bộ đêm

băng ghế

sân golf

sân bóng đá

hồ bơi
tòa nhà

sân quần vợt

thông tin du lịch

inkopiesentrum
inkopiesentrums

waarborg
waarborge

dorp
dorpe

kasteel
kastele

wolkekrabber
wolkekrabbers

apteek
apteke

tempel
tempels

sinagoge
sinagoges

ambassade
ambassades

stadsaal
stadsale

moskee
moskees

fabriek
fabrieke

nagklub
nagklubs

fontein
fonteine

poskantoor
poskantore

sokkerstadion
sokkerstadions

gholfbaan
gholfbane

bank
banke

toeriste inligting
toeriste inligtings

tennisbaan
tennisbane

swembad
swembaddens

sòng bạc

phòng triển lãm nghệ thuật

bảo tàng

công viên quốc gia

quà lưu niệm

thủy cung

trượt nước

tàu lượn siêu tốc

công viên nước

vườn bách thú

sân chơi

cửa thoát hiểm
tòa nhà

chuông báo cháy

bình cứu hỏa

đồn cảnh sát

tiểu bang

khu vực

thủ đô

museum
museums

kunsgalery
kunsgalerye

casino
casinos

akwarium
akwariums

aandenking
aandenkings

nasionale park
nasionale parke

waterpark
waterparke

tuimeltrein
tuimeltreine

waterglybaan
waterglybane

nooduitgang
nooduitgange

speelgrond
speelgronde

dieretuin
dieretuine

polisiestatie
polisiestasies

brandblusser
brandblussers

brandalarm
brandalarms

hoofstad
hoofstede

streek
streke

staat
state

Bệnh viện

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

ho

phòng cấp cứu

khoa hồi sức tích cực

phòng chờ

thuốc aspirin

thuốc ngủ

ngày hết hạn

liều lượng

si-rô ho

tác dụng phụ

insulin

bột

viên nhộng

vitamin

thuốc giảm đau

kháng sinh

chirurgie
chirurgieë

pasiënt
pasiënte

ongeluk
ongelukke

hoes
hoese

koors
koorse

pil
pille

wagkamer
wagkamers

intensiewe sorgeenheid
intensiewe sorgeenhede

ongevalle
ongevalle

vervaldatum
vervaldatums

slaappil
slaappille

aspirien
aspirienes

newe-effek
newe-effekte

hoesstroop
hoesstroepe

dosis
dosisse

kapsule
kapsules

poeier
poeiers

insulien
insulien

antibiotika
antibiotikas

pynstillers
pynstillers

vitamien
vitamiene

vi khuẩn

vi rút

đau tim

tiêu chảy

tiểu đường

đột quỵ

hen suyễn

ung thư

cúm

đau răng

cháy nắng

viêm họng

đau bụng

nhiễm trùng

dị ứng

chует rút

đau đầu

ống tiêm

nặng

chụp X quang

máy siêu âm

hartaanval
hartaanvalle

virus
viruse

bakterie
bakterieë

beroerte
beroertes

suikersiekte
suikersiektes

diarree
diarree

griep
griepe

kanker
kankers

asma
asma

seerkeel
seerkele

sonbrand
sonbrande

tandpyn
tandpyne

allergie
allergieë

infeksie
infeksies

maagpyn
maagpyne

spuit
spuite

hoofpyn
hoofpyne

kramp
krampe

ultraklank masjien
ultraklank masjiene

X-straalfoto
X-straalfotos

kruk
krukke

bó bột
nhỏ bé

xe lăn

bó bột
gãy xương

mạch

chấn thương

cấp cứu

chấn động

vết bỏng

gãy xương

thuốc tránh thai

thử thai

gips
gipse

rolstoel
rolstoele

pleister
pleisters

noodgeval
noodgevalle

besering
beserings

pols
polse

breuk
breuke

brandwond
brandwonde

harsingskudding
harsingskuddings

swangerskaptoets
swangerskaptoetse

geboortebeperkingspil
geboortebeperkingspille

Nghề nghiệp

bác sĩ

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

người mẫu

nghệ sĩ

thủ tướng

dược sĩ

polisieman
polisiemanne

verpleegster
verpleegsters

dokter
dokters

speurder
speurders

kaptein
kapteins

president
presidente

onderwyser
onderwysers

professor
professors

vlieënier
vlieëniërs

assistent
assistentie

sekretaresse
sekretaresse

prokureur
prokureurs

kok
kokke

bestuurder
bestuurders

regter
regters

model
modelle

busbestuurder
busbestuurders

taxibestuurder
taxibestuurders

apteker
aptekers

eerste minister
eerste ministers

kunstenaar
kunstenars

lính cứu hỏa
người

nha sĩ

doanh nhân

chính trị gia

lập trình viên

tiếp viên hàng không

nhà khoa học

giáo viên mầm non

kiến trúc sư

kế toán viên

tư vấn viên

công tố viên

tổng quản lý

vệ sĩ

chủ nhà

bồi bàn

nhân viên bảo vệ

bộ đội

ngư dân

nhân viên vệ sinh

thợ sửa ống nước

entrepreneur
entrepreneurs

tandarts
tandartse

brandweerman
brandweermanne

lugwaardin
lugwaardinne

programmeerder
programmeerders

politikus
politici

argitek
argitekte

kleuterskool onderwyseres
kleuterskool onderwyseresse

wetenskaplike
wetenskaplikes

aanklaer
aanklaers

konsultant
konsultante

rekenmeester
rekenmeesters

verhuurder
verhuurders

lyfwag
lyfwagte

hoof bestuurder
hoof bestuurders

soldaat
soldate

sekuriteitswag
sekuriteitswagte

kelner
kelners

loodgieter
loodgieters

skoonmaker
skoonmakers

visserman
vissermanne

thợ điện

nông dân

lễ tân

người đưa thư

thu ngân

thợ làm tóc

tác giả

nhà báo

nhiếp ảnh gia

nhân viên cứu hộ

ca sĩ

nhạc sĩ

diễn viên

phóng viên

huấn luyện viên

trọng tài

ontvangsdame
ontvangsdames

boer
boere

elektrisiën
elektrisiëns

haarkapper
haarkappers

kassier
kassiers

posman
posmanne

fotograaf
fotograwe

joernalis
joernaliste

skrywer
skrywers

musikant
musikante

sanger
sangers

lewensredder
lewensredders

afrigter
afrigters

verslaggewer
verslaggewers

akteur
akteurs

skeidsregter
skeidsregters

Kinh doanh

tiền

văn phòng

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

số điện thoại

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

stres
stres

kantoor
kantore

geld
gelde

departement
departemente

personeel
personele

versekering
versekerings

brief
briewe

adres
adresse

salaris
salarisse

e-pos adres
e-pos adresse

URL
URL's

telefoonnommer
telefoonnommers

handtekening
handtekeninge

e-pos
e-posse

webwerf
webwerwe

kliënt
kliënte

wins
winste

verlies
verliese

wagwoord
wagwoorde

kredietkaart
kredietkaarte

bedrag
bedrae

máy rút tiền

thuế

phòng họp

danh thiếp

công nghệ thông tin

nhân sự

bộ phận pháp lý

kế toán

tiếp thị

bán hàng

đồng nghiệp

người sử dụng lao động

nhân viên
người

chú thích

thuyết trình

bìa cứng

con dấu cao su

máy chiếu

bưu kiện

con tem

phong bì

vergaderkamer
vergaderkamers

belasting
belastings

kontant masjien
kontant masjiene

menslike hulpbronne
menslike hulpbronne

IT
IT

besigheidskaartjie
besigheidskaartjies

bemaking
bemakings

rekeningkunde
rekeningkunde

regsdepartement
regsdepartemente

werkgewer
werkgewers

kollega
kollegas

verkope
verkope

voorlegging
voorleggings

nota
notas

werknemer
werknemers

projektor
projektors

rubberstempel
rubberstempels

lêer
lêers

koevert
koeverte

zegel
zegels

pakkie
pakkies

trình duyệt

đầu tư

sàn giao dịch chứng khoán

tiền giấy

tiền xu

tiền lãi

khoản vay

số tài khoản

tài khoản ngân hàng

aandelebeurs
aandelebeurse

belegging
beleggings

webblaaier
webblaaiers

rente
rentes

munt
munte

banknoot
banknote

bankrekening
bankrekenings

rekeningnummer
rekeningnummers

lening
lenings

Thiết bị

điện thoại

bộ tivi

máy ảnh

đài radio

quạt

máy điều hòa

máy pha cà phê

máy nướng bánh mì

máy hút bụi

máy sấy tóc

ấm đun nước

máy rửa chén

bếp điện

lò nướng

lò vi sóng

tủ lạnh

máy giặt

điều khiển từ xa

tai nghe

chuột

bàn phím

kamera
kamas

TV-stel
TV-stelle

telefoon
telefone

lugverkoeler
lugverkoelers

waaier
waaiers

radio
radios

stofsuijer
stofsuiers

broodrooster
broodroosters

koffiemasjien
koffiemasjiene

skottelgoedwasser
skottelgoedwassers

ketel
ketels

haardroër
haardroërs

mikrogolf
mikrogolwe

oond
oonde

kooktoestel
kooktoestelle

afstandbeheer
afstandbeheerders

wasmasjien
wasmasjiene

yskas
yskaste

sleutelbord
sleutelborde

muis
muisse

oorfoon
oorfone

ổ cứng

thanh USB

máy quét

máy in

màn hình

máy tính xách tay

rô bốt

loa

skandeerder
skandeerders

USB-stokkie
USB-stokkies

hardeskyf
hardeskywe

skootrekenaar
skootrekenaars

rekenaarskerm
rekenaarskerms

drukker
drukkers

luidspreker
luidsprekers

robot
robotte